

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Sông Ba**  
Địa chỉ: 230 Nguyễn Tri Phương, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: (0511) 3653 592 – 2215 592 Fax: (0511) 3653 593  
Website: [www.songba.vn](http://www.songba.vn) Email: sba2007@songba.vn

### **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

#### **1. Những sự kiện quan trọng:**

- Việc thành lập:

+ Ngày 02/01/2003 Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện Lực 3 (viết tắt là PC3) thuộc Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (EVN) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (mã chứng khoán VNE niêm yết trên SGDCX Hồ Chí Minh); Công ty TNHH ĐT&PT Điện Sông Ba được hạch toán độc lập.

+ Ngày 21/01/2005, Công ty bổ sung điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.

+ Ngày 29/05/2007 được chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba gồm 07 thành viên với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng và Hội đồng thành viên đã ra nghị quyết góp vốn theo tiến độ phát triển của các dự án thủy điện của Công ty.

+ Ngày 04/7/2007 chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sông Ba với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng.

+ Ngày 31/07/2007 là ngày kết thúc cho năm tài chính cuối cùng dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

+ Ngày 01/08/2007 là ngày bắt đầu cho năm tài chính đầu tiên dưới hình thức công ty cổ phần.

+ Công ty đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400439955 (đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 21/07/2009).

- Niêm yết:

+ Ngày 07/01/2010 Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 07/TB-SGDHCM về việc nhận hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu của Công ty.

+ Hiện nay Công ty đang hoàn chỉnh các thủ tục để đăng ký niêm yết chứng khoán lên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Quá trình phát triển**

- Ngành nghề kinh doanh:
  - + Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
  - + Sản xuất và kinh doanh điện năng;
  - + Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30 MW, đường dây và trạm biến áp đến 110 KV;
  - + Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp đến 110 KV;
  - + Khai thác khoáng sản và nạo vét lòng hồ;
  - + Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
  - + Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
  - + Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện;
  - + Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
  - + Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện;
  - + Kinh doanh vật liệu xây dựng bán tại chân công trình;
  - + Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ điện.
- Tình hình hoạt động:

+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên (9 MW) đã được chính thức đưa vào vận hành thương mại từ ngày 28/5/2007, hiện đang sản xuất điện thương phẩm để cung cấp trực tiếp cho Công ty điện lực 3 (“PC3”) thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”) theo Hợp đồng mua bán điện số 02-2008/KHEDIEN/S3-PC3, ngày 25/02/2008 ký kết giữa Công ty và PC3 là bên mua. Theo Hợp đồng này Công ty Cổ phần Sông Ba cung cấp điện cho PC3 theo biểu đồ do Trung tâm Điều độ A3 quy định.

+ Nhà máy Thủy điện Krông H’Năng (64 MW) hiện đang được xây dựng (85% công trình đã hoàn tất). Dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào quý I/2010. Đã có thỏa thuận về giá bán điện với Công ty mua bán điện (trực thuộc EVN).

+ Công ty hiện đang triển khai hai dự án thủy điện tiếp theo: Dự án thủy điện Sông Tranh 1 (20 MW) và dự án thủy điện Krông H’ năng 2 (15 MW).

## **3. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - + Khai thác và vận hành các Nhà máy thủy điện ổn định và hiệu quả.
  - + Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới như: Dịch vụ quản lý dự án thuê; Dịch vụ sửa chữa, đào tạo cán bộ quản lý, vận hành nhà máy thủy điện...
  - + Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Cổ đông và người lao động.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - + Đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng của các Nhà máy thủy điện.
  - + Tiếp tục triển khai đầu tư các dự án thủy điện Sông Tranh 1 và Krông H’ năng 2.

+ Mở rộng các sản phẩm dịch vụ tăng lợi nhuận cho Công ty.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2009 nền kinh tế toàn cầu bị suy thoái, tình hình thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đầu tư của Công ty. Tuy nhiên kết quả hoạt động kinh doanh vẫn đảm bảo kế hoạch đề ra:

- + Sản lượng điện thương phẩm thực hiện: 45,4 triệu kwh, so với kế hoạch đạt 108,1%.
- + Doanh thu thực hiện: 27,036 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 108,1%.
- + Lợi nhuận đạt: 3,92 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 92% (do biến động lớn về chênh lệch tỷ giá để trả lãi và gốc vay bằng USD).

### 2. Những khoản đầu tư lớn trong năm

- Trong năm 2009, Công ty tiếp tục đầu tư dự án thủy điện Krông H' năng (64 MW), giá trị thực hiện: 647.357.194.897 đồng (lũy kế giá trị thực hiện: 1.007.494.645.561 đồng). Dự kiến sẽ phát điện vào cuối quý 1 năm 2010.

- Hiện Công ty đang triển khai tiếp các dự án thủy điện Sông Tranh 1 (20 MW) và thủy điện Krông H' năng 2 (15 MW).

### 3. Triển vọng và kế hoạch sản xuất trong năm 2010

- Sản lượng điện thương phẩm đạt: 244 triệu kwh.
- Doanh thu đạt: 153 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 14,9 tỷ đồng.

## III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

#### 1.1 Các chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2009
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,69
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,69
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	65
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	%	189
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		

Tỷ suất lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	13,7
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,5
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	0,9
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,3

- Về khả năng thanh toán của Công ty:

Tại thời điểm 31/12/2009, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều nằm ở quanh mức 0,69. Cho thấy, Công ty cần phải phân đấu cân đối nguồn tài chính để mang các hệ số này trở về 1,00.

- Về cơ cấu vốn của Công ty:

Hệ số nợ trên tổng tài sản (TTS) khoảng 65% TTS cho thấy đòn cân nợ của Công ty đang sử dụng ở mức trung bình thấp so với ngành (65% - 70%TTS)

- Về khả năng sinh lời của Công ty:

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (DTT) năm 2009 đạt 14,5% DTT (so với trung bình ngành ở khoảng 20%/DTT).

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH trong năm chỉ đạt 0,9 %. Điều này cũng dễ hiểu là vì Công ty đang ở trong giai đoạn xây dựng công trình thủy điện Krông H'Năng (64MW), chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận. Dự kiến, Krông H'Năng sẽ phát điện vào Quý 1/2010, và doanh thu và lợi nhuận cũng từ đó sẽ gia tăng.

### 1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2009
<b>A. Tài sản</b>	<b>1.318.061.627.451</b>
I. Tài sản ngắn hạn	115.732.844.563
II. Tài sản dài hạn	1.202.328.782.888
<b>B. Nguồn vốn</b>	<b>1.318.061.627.451</b>
I. Nợ phải trả	862.275.680.951
II. Vốn chủ sở hữu	455.785.946.500

### 1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

Trong năm 2009 Công ty phát hành thêm 9.985.667 cổ phiếu phổ thông, tương ứng 99.856.670.000 đồng. Vốn góp đến ngày 31/12/2009 là 450.000.000.000 đồng.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Cổ phiếu thường: 45.000.000 cổ phiếu

+ Cổ phiếu ưu đãi: 0

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): 0

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phiếu thường: 45.000.000 cổ phiếu.

+ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: không.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Sản lượng điện thương phẩm thực hiện: 45,4 triệu kwh, so với kế hoạch đạt 108,1%.

- Doanh thu thực hiện: 27,036 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 108,1%.

- Lợi nhuận đạt: 3,92 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 92%.

Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu đều vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận không đạt, nguyên nhân chủ yếu do Công ty còn các khoản nợ phải trả bằng USD trong khi trong năm có sự biến động lớn về tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD làm cho lợi nhuận bị giảm.

## **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

- Bên cạnh hoạt động chính là đầu tư dự án thủy điện và khai thác vận hành kinh doanh các nhà máy thủy điện, Công ty có định hướng cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới như dịch vụ quản lý dự án thuê, dịch vụ đào tạo công nhân kỹ thuật quản lý vận hành nhà máy thủy điện, và một số sản phẩm dịch vụ khác theo nhu cầu xã hội nhằm khai thác tốt các tiềm năng vật chất và nhân sự của Công ty.

- Đối với sản phẩm là điện thương phẩm, công tác quản lý chất lượng của Công ty tập trung vào đảm bảo chất lượng điện cung cấp thông qua việc duy trì việc đáp ứng các thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn chung của ngành điện về: tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện.... Nhằm đảm bảo cho máy móc, thiết bị, các công trình phụ trợ, đề đập, hồ chứa luôn trong điều kiện vận hành tốt, đảm bảo sự liên tục và ổn định trong việc cung cấp điện cho lưới điện quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, Công ty đã triển khai một loạt các giải pháp sau:

- Công tác vận hành: thường xuyên củng cố, chấn chỉnh công tác vận hành trên các mặt: Trực ca, kiểm tra thiết bị vận hành, thao tác xử lý sự cố thiết bị, thực hiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành; ghi chép nhật ký vận hành, công tác báo cáo, công tác vệ sinh công nghiệp hàng ngày, định kỳ.
- Xây dựng và triển khai thực hiện chế độ bảo dưỡng sửa chữa theo đúng định kỳ. Quy định sửa chữa thường xuyên phải thực hiện theo quy trình ISO.
- Thành lập tiểu ban Bảo hộ lao động Nhà máy. Triển khai thực hiện công tác chấm điểm 04 nội dung, 20 thông số theo Thông tư 14.
- Thành lập mạng lưới ATVSV. Ban hành quy chế hoạt động mạng lưới ATVSV.
- Mời Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Quảng Nam đo đạc và cho kết quả số liệu môi trường nhà máy.
- Lập phương án Phòng cháy chữa cháy tại nhà máy.
- Lập phương án Phòng chống bão lụt hàng năm, chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện phương án khi có lũ xảy ra.
- Bổ sung các bảng tóm tắt quy trình thiết bị chính, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ hiện trường sản xuất.
- Triển khai trồng cây xanh, trồng hoa tại các bồn hoa đã xây dựng tạo cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Thực hiện tốt công tác thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ.
- Lập kế hoạch chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư, thiết bị dự phòng để có thể kịp thời thay thế, khắc phục nhanh chóng nếu xảy ra các sự cố.
- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo tay nghề, nâng cao trình độ vận hành cho công nhân. Phổ biến và hướng dẫn kịp thời các qui định về Bảo hộ lao động và An toàn lao động tới từng cán bộ công nhân viên của Công ty, qua đó nâng cao ý thức cho người lao động, phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đối với công tác quản lý chung, toàn Công ty áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn **ISO 9001:2008**. Về nhân sự tổ chức, Công ty thành lập Ban ISO để tổ chức hoạt động của bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty. Thành viên Ban ISO bao gồm các trưởng đơn vị. Nhiệm vụ của Ban ISO:

- Xem xét đánh giá hệ thống quản lý chất lượng hiện có,
- Lập kế hoạch chi tiết cho dự án và theo dõi tiến độ thực hiện dự án,
- Theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch,
- Phối hợp hoạt động giữa các đơn vị; Đôn đốc, kiểm tra tình hình áp dụng, tuân thủ Hệ thống tại các đơn vị.

Công ty đã được Trung tâm chứng nhận QUACERT cấp chứng nhận hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn chất lượng theo ISO 9001:2008.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Hoàn thành dự án công trình thủy điện Krông H' năng để đưa vào vận hành trong quý 1 năm 2010.
- Triển khai các dự án thủy điện Sông Tranh 1 (20 MW) và Krông H' năng 2 (15 MW).
- Mở rộng các sản phẩm dịch vụ mới: Tư vấn, quản lý dự án, đào tạo, sửa chữa vận hành các nhà máy thủy điện cho các đơn vị khác.

### IV. Báo cáo tài chính

#### 1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009:

*Đơn vị tính: Đồng*

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
<b>A-</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>115.732.844.563</b>	<b>197.461.982.181</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.570.960.803</b>	<b>51.583.816.791</b>
1	Tiền	111	V.01	9.542.279.956	19.517.083.458
2	Các khoản tương đương tiền	112		4.028.680.847	32.066.733.333
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>93.206.631.864</b>	<b>129.129.700.767</b>
1	Phải thu khách hàng	131		11.589.379.386	4.407.968.565
2	Trả trước cho người bán	132		52.296.058.841	124.082.636.109

3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.03	29.321.193.637	639.096.093
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>258.073.400</b>	<b>118.407.996</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	258.073.400	118.407.996
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.697.178.496</b>	<b>16.630.056.627</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.093.999.921	10.657.283.745
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		2.603.178.575	5.972.772.882
<b>B-</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.202.328.782.888</b>	<b>550.482.438.814</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.192.410.948.794</b>	<b>550.457.180.763</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	171.726.393.660	179.319.623.901
	- Nguyên giá	222		193.755.655.353	192.766.902.831
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.029.261.693)	(13.447.278.930)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.271.845.134	5.248.095.134
	- Nguyên giá	228		5.305.261.800	5.260.261.800
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(33.416.666)	(12.166.666)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.015.412.710.000	365.889.461.728
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.12	-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.917.834.094</b>	<b>25.258.051</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	6.768.504.094	25.258.051
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.07	3.149.330.000	-

<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.318.061.627.451</b>	<b>747.944.420.995</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>862.275.680.951</b>	<b>394.845.201.340</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>168.114.362.416</b>	<b>33.138.315.673</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	113.659.802.504	12.144.258.000
2 Phải trả người bán	312		48.746.710.365	16.174.491.393
3 Người mua trả tiền trước	313		-	-
4 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	314	V.16	838.209.175	1.130.075.741
5 Phải trả người lao động	315		2.673.130.452	2.794.007.813
6 Chi phí phải trả	316	V.17	-	3.309.316
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.196.509.920	892.173.410
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>694.161.318.535</b>	<b>361.706.885.667</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.20	694.161.318.535	361.706.885.667
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>455.785.946.500</b>	<b>353.099.219.655</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>455.709.626.500</b>	<b>353.010.219.655</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	350.143.330.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.255.753.736	1.061.668.802
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(819.422.946)	(28.731.731)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		161.933.825	78.040.218
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		161.933.825	78.040.218
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		31.600.000	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.917.828.060	1.677.872.148
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>76.320.000</b>	<b>89.000.000</b>
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		76.320.000	89.000.000
2 Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.318.061.627.451</b>	<b>747.944.420.995</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài	24		
2 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4 Nợ khó đòi đã xử lý			
5 Ngoại tệ các loại (USD)		113.143,42	849,80
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

**2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009:**

*Đơn vị tính: đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.25</b>	<b>27.036.010.278</b>	<b>25.358.842.343</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	27.036.010.278	25.358.842.343
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	13.434.243.942	11.039.794.706
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>VI.27</b>	<b>13.601.766.336</b>	<b>14.319.047.637</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.417.111.395	1.047.943.484
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	13.636.305.935	13.881.414.282
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.435.017.834	13.033.774.639
8. Chi phí bán hàng	24		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		668.434.100	395.392.880
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>3.714.137.696</b>	<b>1.090.183.959</b>
11. Thu nhập khác	31		2.881.679.385	2.684.521.111
12. Chi phí khác	32		2.677.989.021	1.814.741.205
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>203.690.364</b>	<b>869.779.906</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.917.828.060</b>	<b>1.959.963.865</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	-	353.744.259
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.917.828.060</b>	<b>1.606.219.606</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		102	52

### 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 (Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		26.873.854.296	25.790.060.056
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(2.595.722.051)	(2.400.527.165)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.243.684.110)	(7.106.777.900)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(8.435.017.834)	(13.033.774.639)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(272.152.066)	(301.121.850)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		67.355.029.276	39.630.315.797
7 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(76.055.586.470)	(70.042.145.427)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.373.278.959)</b>	<b>(27.463.971.128)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền mua sắm, xây dựng TSCĐ và các khoản dài hạn khác	21		(564.938.020.613)	(290.026.656.097)
2 Tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các khoản dài hạn khác	22		-	759.047.620
3 Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.526.463.315	1.024.023.607
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(562.411.557.298)</b>	<b>(288.243.584.870)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		99.856.670.000	94.149.070.000
2 Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		476.436.146.534	312.527.193.781
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(49.426.995.591)	(77.966.356.856)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.574.510)	(1.305.592.991)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>526.832.246.433</b>	<b>327.404.313.934</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(37.952.589.824)</b>	<b>11.696.757.936</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>51.583.816.791</b>	<b>39.886.990.978</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(60.266.164)	-
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>13.570.960.803</b>	<b>51.583.748.914</b>

#### 4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2009

(Theo Báo cáo tài chính năm 2009 kèm theo)

#### V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

##### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC sau khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 đã đưa ra ý kiến như sau: “ Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành”.

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

##### 2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

#### VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty: không có.

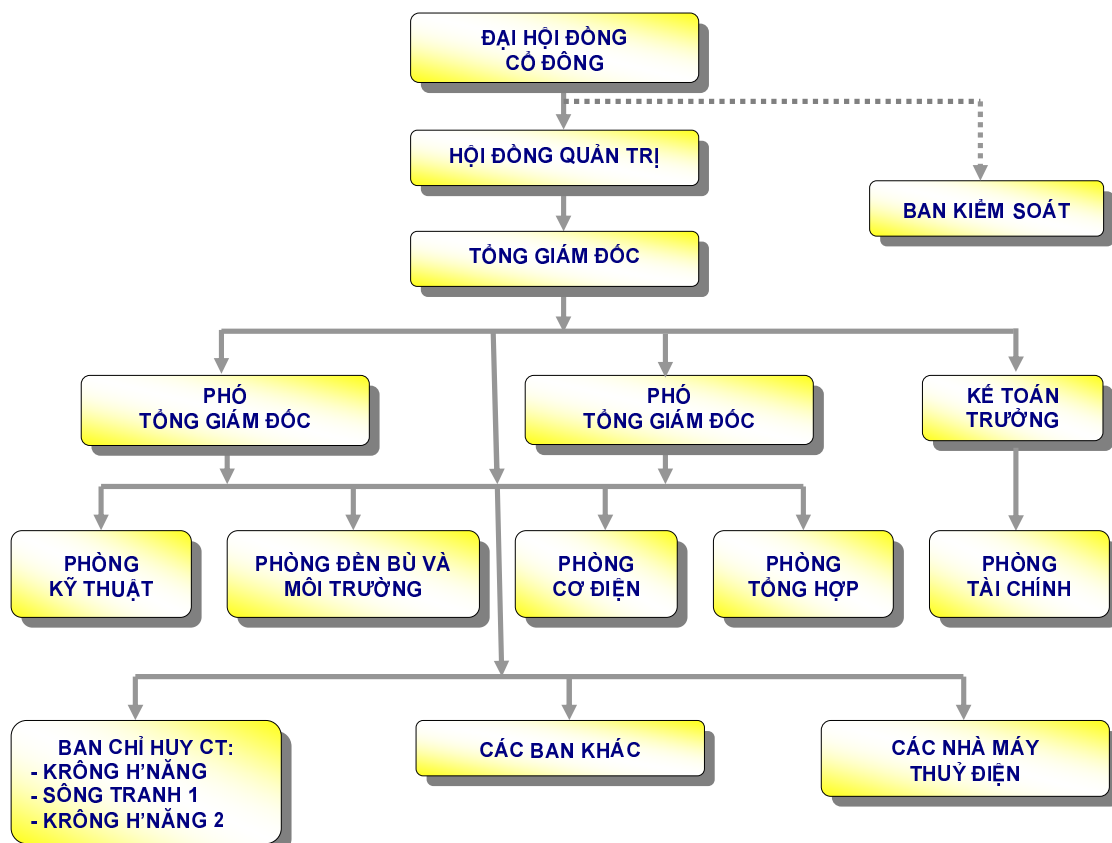
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không có

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không có.

#### VII. Tổ chức và nhân sự

##### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

- Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty



- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp, gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Chi nhánh nhà máy thủy điện Khe Diên, 05 phòng chức năng chuyên môn và 03 ban chỉ huy công trường.

## **2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

### **2.1 Ông Phạm Phong - Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc**

- Số CMND: 200186849; Ngày cấp: 02/03/2010; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
- Ngày sinh: 22/05/1958; Quê quán: Thừa Thiên – Huế;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: 42 Thái Phiên, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - chuyên ngành Hệ thống điện;  
Thạc sỹ, kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Chế tạo máy
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - Từ 1981 - 1994, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Kỹ thuật viên.
  - Từ 1994 - 1997, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Quản đốc, Phân xưởng cơ điện.
  - Từ 1997 - 2001, Điện lực Quảng Nam. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư.
  - Từ 2001 – 2002, Trung tâm thiết kế điện - Công ty Điện lực 3 Đà Nẵng. Chức vụ: Phó Giám đốc.
  - Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc.

### **2.2 Ông Đặng Ngọc Chương - Phó Tổng Giám đốc**

- Số CMND: 200533817; Ngày cấp: 05/12/1995; Nơi cấp: CA QNĐN;
- Ngày sinh: 01/01/1962; Quê quán: Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: 20 Đào Duy Anh, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư điện kỹ thuật;
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - Từ 1985 - 1992, Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Kỹ thuật viên.

- Từ 1992 - 1998, Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó phòng kỹ thuật.
- Từ 1998 - 2001, Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật.
- Từ 2001 - 2003, Nhà máy chế tạo kết cấu thép - Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Giám đốc.
- Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

### **2.3 Ông Vũ Ngọc Bàn - Phó Tổng Giám đốc**

- Số CMND: 205398911; Ngày cấp: 24/12/2005; Nơi cấp: CA Quảng Nam;
- Ngày sinh: 06/12/1960; Quê quán: Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: 04 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tân An, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam;
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Điện chuyên ngành Nhiệt Điện;  
Đại học Kinh tế chuyên ngành Quản lý công nghiệp;  
Chứng chỉ Giám đốc quản lý dự án ĐTXD.
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - Từ 1984 - 1994, Trường điện-Hội An-PC3. Chức vụ: Giáo viên, Phó chủ tịch công đoàn.
  - Từ 1994 - 2004, Trung tâm thiết kế điện – PC3. Chức vụ: chuyên viên kế toán, dự toán, kế hoạch – Phó Chủ tịch công đoàn.
  - Từ 2004 đến tháng 07/2009, Công ty cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp – Phó chủ tịch công đoàn.
  - Từ tháng 08/2009 đến nay, Công ty cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

### **2.4 Ông Phạm Thái Hùng - Kế toán trưởng**

- Số CMND: 194160262; Ngày cấp: 26/5/2004; Nơi cấp: CA Quảng Bình;
- Ngày sinh: 25/09/1979; Quê quán: Quảng Bình;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: Tổ 39, An Hải Đông, Sơn Trà, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế;
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có

- Quá trình công tác:

- Từ 2003 – 2004, Công ty TNHH Mỹ Anh, Quảng Bình. Chức vụ: Kế toán trưởng
- Từ 2004 – 2007, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán tổng hợp.
- Từ 2007 – tháng 06/2009, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Từ tháng 07/2009 – tháng 08/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phó phòng Tài chính.
- Từ tháng 09/2009 – tháng 12/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phụ trách Phòng Tài chính.
- Từ tháng 01/2010 đến nay, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Kế toán trưởng.

### **3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

- Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 112 người, trong đó cán bộ quản lý là 20 người.

- Chính sách đối với người lao động:

+ Công ty luôn có cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

+ Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các dự án thủy điện đang triển khai, tại Nhà máy Thủy điện Khe Diên của Công ty nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc (thành lập lớp bồi huấn nhân viên vận hành NMTĐ Khe Diên: ngày 08/03/2007; tổ chức sát hạch công nhận chức danh vận hành chính tại NMTĐ Khe Diên: ngày 31/01/2008; tổ chức thực tập và sát hạch cho nhân viên vận hành mới tuyển dụng vào NMTĐ: ngày 15/12/2009).

+ Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

+ Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong Nhà máy, Công trường xây dựng cũng được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy nông.

+ Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác (thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...).

#### 4.Thay đổi Kế toán trưởng

- Ông Trần Phước Dũng - Phụ trách Phòng Tài chính      Miễn nhiệm ngày 10/09/2009.
- Ông Phạm Thái Hùng:
- + Phụ trách Phòng Tài chính:      Bổ nhiệm ngày 10/09/2009;
- + Kế toán trưởng:      Bổ nhiệm ngày 15/01/2010.

### VIII. Thông tin Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, cổ đông Công ty.

#### 1.Hội đồng quản trị:

##### 1.1 Chủ tịch HĐQT – Ông Thái Văn Thắng

- Số CMND: 200022273;      Ngày cấp: 14/08/2008;      Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
- Ngày sinh: 15/01/1954;      Quê quán: Minh An, Hội An, Quảng Nam;
- Dân tộc: Kinh;      Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: K75/11 Lê Hồng Phong, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa:      12/12
- Trình độ chuyên môn:      Kỹ sư Điện
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc - Công ty Điện lực 3
- Quá trình công tác:
  - Từ 1982-1987, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
  - Từ 1987-1989, Xí nghiệp Cơ điện – Công ty điện lực 3. Chức vụ: Phó Phụ trách phòng Kế hoạch.
  - Từ 1990-1998, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Đối ngoại.
  - Từ 1998-1999, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Trợ lý Giám đốc.
  - Từ 1999 đến nay, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ: 5.030.000 cổ phần
  - Trong đó:      Sở hữu cá nhân: 80.000 cổ phần*
  - Đại diện cho Công ty Điện lực 3: 4.950.000 cổ phần*
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ
Phạm Thị Thu Trang	Vợ	200187600	14/08/2008	CA Đà Nẵng	25.000 cp

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

## **1.2 Phó Chủ tịch HĐQT - Ông Nguyễn Trọng Bình**

- Số CMND: 200325239; Ngày cấp: 14/07/2009; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
- Ngày sinh: 15/05/1955; Quê quán: Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: 106 Hàm Nghi, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí Chế tạo máy, Cao cấp lý luận chính trị
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)
- Quá trình công tác:
  - Từ 1975-1977: đi bộ đội. Chức vụ: Chiến sĩ.
  - Từ 1978-1983, Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Chức vụ: Sinh viên.
  - Từ 1983-1984, Công ty Xây lắp đường dây và trạm III. Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật.
  - Từ 1985-1988, Công ty Xây lắp đường dây và trạm III. Chức vụ: Phó phòng, Trưởng phòng vật tư.
  - Từ 1988-1994, Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà. Chức vụ: Phó Giám đốc.
  - Từ 1994-1998, Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà. Chức vụ: Giám đốc.
  - Từ 1998-2002, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó Giám đốc.
  - Từ 2002-2005, Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước)-Bộ Công nghiệp. Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.
  - Từ 2005 đến nay, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam (VNECO). Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 751.700 cổ phần
  - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần*
  - Đại diện cho VNECO: 651.700 cổ phần*
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có



- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### **1.3 Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc - Ông Phạm Phong**

- Thông tin cá nhân: (như điểm 2.1, khoản 2, phần VII)
- Số cổ phần nắm giữ: 3.155.200 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 185.200 cổ phần*

*Đại diện cho Công ty Điện lực 3: 2.970.000 cổ phần*

- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### **1.4 Ủy viên HĐQT - Ông Đinh Châu Hiếu Thiện**

- Số CMND: 200883515; Ngày cấp: 26/06/2007; Nơi cấp: CA ĐN;
- Ngày sinh: 30/03/1966; Quê quán: Phú Mậu, Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: K62/10 Núi Thành, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện;
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Thủy điện - Công ty Điện lực 3
- Quá trình công tác:
  - Từ 1992 – 1995, Phân xưởng Rơle tự động, Trung tâm thí nghiệm điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
  - Từ 1995 – 2/2002, Phòng kế hoạch vật tư, Trung tâm thí nghiệm điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
  - Từ 2/2002 – 7/2002, Phòng Kinh doanh – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
  - Từ 7/2002 – 4/2005, Phòng Quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó trưởng phòng.
  - Từ 4/2005 đến nay, Phòng Quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Trưởng phòng.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.992.000 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần*

*Đại diện cho Công ty Điện lực 3: 1.980.000 cổ phần*

- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### **1.5 Ủy viên HĐQT - Ông Nguyễn Tịnh**

- Số CMND: 201604038; Ngày cấp: 24/04/2007; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
- Ngày sinh: 08/05/1974; Quê quán: Lộc Điền, Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: tổ 28, Thạc Gián, quận Thanh Khê, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng thủy lợi thủy điện;
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác:

Trưởng Ban Quản lý các dự án đầu tư (VNECO)

Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM

- Quá trình công tác:
  - Từ 1977-2001, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Chuyên viên kỹ thuật.
  - Từ 2001 - 2002, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó Phòng Kỹ thuật.
  - Từ 2002 – 2003, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó Ban Quản lý dự án đầu tư.
  - Từ 2004-2005, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư.
  - Từ 2005 đến nay, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư.
- Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần*

*Đại diện sở hữu: Không có*

- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

## **2. Ban kiểm soát:**

### **2.1 Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Nguyễn Thành Sơn**

- Số CMND: 201358162; Ngày cấp: 10/08/1999; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
- Ngày sinh: 28/8/1979; Quê quán: Tĩnh Ấn, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: 38 Nguyễn Chí Thanh, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế;
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác:

Chuyên viên Phòng Tài chính, Công ty Điện lực 3

Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung

- Quá trình công tác:

- Từ 2000 đến nay, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài chính.
- Từ 2005 đến nay, Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung. Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát.

- Số cổ phần nắm giữ: 2.700 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần*

*Đại diện sở hữu: Không có*

- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### **2.2 Ủy viên Ban Kiểm soát - Ông Trần Quang Cần**

- Số CMND: 201540858; Ngày cấp: 09/05/2006; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
- Ngày sinh: 20/10/1968; Quê quán: Đức Vĩnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: Tổ 42 phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế;
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác:
  - Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
  - Kế toán trưởng, Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO
- Quá trình công tác:
  - Từ 2000-2005, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán.
  - Từ 2005-2006, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam. Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
  - Từ 2006 đến nay, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam. Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán. Và tại Công ty CP Du lịch Xh Huế VNECO. Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*
  - Đại diện sở hữu: Không có*
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### **2.3 Ủy viên Ban Kiểm soát - Ông Trần Ngọc Tuấn**

- Số CMND: 200168989; Ngày cấp: 21/06/2005; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
- Ngày sinh: 03/05/1958; Quê quán: huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: 123 Phan Đăng Lưu, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, chuyên ngành Thủy lợi.
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
  - Từ 1979-1990, Công ty Khảo sát thiết kế thủy lợi, thủy điện Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Nhân viên phòng Thiết kế.
  - Từ 1990-2003, Công ty Tư vấn Xây dựng Đà Nẵng. Chức vụ: Trưởng phòng Thiết kế.

➤ Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật.

- Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần*

*Đại diện sở hữu: Không có*

- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có

- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

### **3. Ban Tổng giám đốc**

#### **3.1 Tổng Giám đốc - Ông Phạm Phong**

(Xem điểm 1.3 - Khoản 1 - Phần VIII)

#### **3.2 Phó Tổng Giám đốc – Ông Đặng Ngọc Chương**

- Thông tin cá nhân: (như điểm 2.2, khoản 2, phần VII)

- Số cổ phần nắm giữ: 88.870 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 88.870 cổ phần*

*Đại diện sở hữu: Không có*

- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ
Đặng Ngọc Thu Trang	Con	201531756	22/08/2003	CA Đà Nẵng	15.600 cp
Đặng Ngọc Tài	Em	205062593	09/01/1999	CA Quảng Nam	111.819 cp

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có

- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

#### **3.3 Phó Tổng Giám đốc – Ông Vũ Ngọc Bằng**

- Thông tin cá nhân: (như điểm 2.3, khoản 2, phần VII)

- Số cổ phần nắm giữ: 35.000 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu cá nhân: 35.000 cổ phần*

*Đại diện sở hữu: Không có*

- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

#### 4. Hoạt động của HĐQT – Ban kiểm soát

- Hội đồng quản trị bao gồm 5 thành viên. Đây là cơ quan có thẩm quyền cao thứ nhì sau ĐHĐCĐ. Nhiệm kỳ của HĐQT là 4 năm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi và hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có trách nhiệm quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm, giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Ban kiểm soát có ba 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn, trong đó có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 4 năm; Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát là thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Cụ thể là kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thù lao đã chi trả cho HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2009 là: 216.000.000 đồng.

- Thông tin về giao dịch đã được thực hiện với Công ty Điện lực 3 (Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị): Doanh thu bán điện : 27.013.820.450 đồng.

#### 5. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

##### 5.1 Cổ đông sáng lập, cổ đông nhà nước:

STT	Cổ đông sáng lập, cổ đông nhà nước	Địa chỉ	Cổ phần phổ thông nắm giữ	
			Số lượng (cp)	Tỉ lệ (%)
1	Công ty Điện lực 3 (chi tiết người đại diện nêu bên dưới)	393 Trưng Nữ Vương - Quận Hải châu, Tp. Đà Nẵng  Giấy ĐKKD số: 206000153, thay đổi lần thứ 10, ngày 04/06/2007, cấp bởi Sở KH&ĐT Tp. Đà Nẵng	9.900.000	22,0%
	<b>Cộng:</b>		9.900.000	22,0%
Người đại diện cho Công ty Điện lực 3:				

	Ông Thái Văn Thắng, làm đại diện cho Công ty Điện lực 3	K75/11 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  Giấy CMND số: 200022273; ngày cấp: 14/08/2008; nơi cấp: CA Đà Nẵng	4.950.000	11,0%
	Ông Phạm Phong, làm đại diện cho Công ty Điện lực 3	42 Thái Phiên, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  Giấy CMND số: 200186849; ngày cấp: 28/01/1994; nơi cấp: CA Quảng Nam Đà Nẵng	2.970.000	6,6%
	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện, làm đại diện cho Công ty Điện lực 3	K62/10 Núi Thành, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  Giấy CMND số: 200883515; ngày cấp: 26/06/2007; nơi cấp: CA Đà Nẵng	1.980.000	4,4%
	<b>Cộng:</b>		<b>9.900.000</b>	<b>22,0%</b>

### 5.2 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2009:

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>1. Cổ đông nội bộ (HDQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, KTT)</b>	<b>9</b>	<b>543.770</b>	<b>1,21%</b>
<b>2. Cổ đông trong Công ty</b>	<b>79</b>	<b>664.447</b>	<b>1,48%</b>
<i>a. Cổ phiếu quỹ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>b. Cán bộ công nhân viên</i>	<i>79</i>	<i>664.447</i>	<i>1,48%</i>
<b>3. Cổ đông ngoài Công ty</b>	<b>6.286</b>	<b>43.791.783</b>	<b>97,31%</b>
a. Trong nước			
+ <i>Tổ chức:</i>	<i>20</i>	<i>14.322.006</i>	<i>31,82%</i>
+ <i>Cá nhân:</i>	<i>6.266</i>	<i>29.469.777</i>	<i>65,49%</i>
b. Nước ngoài :			
+ <i>Tổ chức:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
+ <i>Cá nhân:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng : (1+2+3)</b>	<b>6.374</b>	<b>45.000.000</b>	<b>100%</b>

**5.3. Cổ đông góp vốn nước ngoài: Không có**

*Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2010*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM PHONG**